

BIẾN ĐỔI TRONG ĐỜI SỐNG VĂN HÓA – XÃ HỘI CỦA NGƯỜI CƠ TU Ở TỈNH QUẢNG NAM HIỆN NAY

Nguyễn Văn Dũng¹

TRANSFORMATIONS IN SOCIAL – CULTURAL LIFE OF THE CO TU ETHNIC GROUP IN QUANG NAM PROVINCE NOWADAYS

Nguyen Van Dung¹

Tóm tắt – *Biến đổi văn hóa – xã hội là sự thay đổi các thành tố, cấu trúc và giá trị của văn hóa, tổ chức xã hội bởi nhân tố chính trị, kinh tế. Đây là quy luật phát triển chung của mọi tộc người. Hiện nay, do tác động của nhiều yếu tố nên đời sống văn hóa – xã hội truyền thống của tộc người Cơ Tu ở tỉnh Quảng Nam đã và đang dần biến đổi. Trong nghiên cứu này, chúng tôi vận dụng phương pháp điền dã, phương pháp liên ngành nhằm miêu tả những biến đổi trong đời sống văn hóa – xã hội của tộc người Cơ Tu ở tỉnh Quảng Nam ở các phương diện: trang phục, nơi cư trú, nhà ở, nghệ thuật dân gian và tổ chức xã hội.*

Từ khóa: *biến đổi văn hóa – xã hội, người Cơ Tu, tỉnh Quảng Nam.*

Abstract – *Social – cultural transformations are the changes of element, structure and social and cultural value by political and economic factors. This is common development rule of any ethnic group. Currently, the traditional social – cultural life of Co Tu ethnic group in Quang Nam Province has been gradually changed due to different factors. This study applied, ethnographic fieldwork, interdisciplinary method to clarify*

the transformations in the social – cultural life of Co Tu ethnic group in Quang Nam Province through costumes, residence and housing, folk art and social organization.

Keywords: *Co Tu ethnic group, Quang Nam Province, social – cultural transformation.*

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Tộc danh Cơ Tu đã được biết đến khá lâu trong lịch sử với nhiều cách gọi và viết khác nhau như Katu, K'tu, Cà tu, Cọtu, Cơ Tu [1]. Về mặt văn hóa, họ đại diện cho một trong những tộc người thiểu số có quá trình sinh sống lâu đời ở miền Trung Việt Nam còn bảo lưu nhiều bản sắc văn hóa cộng đồng.

Trải qua quá trình lịch sử lâu dài, diện mạo văn hóa – xã hội của người Cơ Tu hiện nay đã có những thay đổi so với trước đây. Trong đó, nguyên nhân chủ yếu là do sự tác động mạnh mẽ của các chính sách phát triển kinh tế – xã hội của Đảng và Nhà nước, sự phát triển của nền kinh tế thị trường, đặc biệt là sự bùng nổ của khoa học và công nghệ [2]. Đây là điều kiện thuận lợi giúp cải thiện đáng kể đời sống vật chất, tinh thần của người Cơ Tu; đồng thời, nó cũng gián tiếp làm thay đổi các giá trị văn hóa của người Cơ Tu. Thực tiễn cho thấy sự biến đổi văn hóa – xã hội ở mỗi tộc người sẽ khác nhau. Với những điều kiện kinh tế – xã hội khác nhau, mỗi dân tộc sẽ có mức độ biến đổi văn hóa – xã hội khác nhau, đôi khi chưa phù hợp với quy luật chung [3]. Theo đó, nhiều giá trị văn hóa truyền thống bị mai một, trong khi đó, những giá trị văn hóa

¹Phân hiệu Trường Đại học Nội vụ Hà Nội tại tỉnh Quảng Nam

Ngày nhận bài: 19/9/2019; Ngày nhận kết quả bình duyệt: 22/11/2019; Ngày chấp nhận đăng: 25/3/2020

Email: nguyenvandungpct@gmail.com

¹Campus of Ha Noi University of Home Affairs in Quang Nam Province

Received date: 19th September 2019; Revised date: 22nd November 2019; Accepted date: 25th March 2020

mới lại chưa phù hợp với quy luật kế thừa, tiếp nối và phát triển trên nền văn hóa truyền thống. Điều này đặt người Cơ Tu đứng trước những lựa chọn trong quá trình phát triển. Việc sinh sống cạnh một trung tâm kinh tế – văn hóa lớn của miền Trung (Thành phố Đà Nẵng) tạo cơ hội cho người Cơ Tu ở tỉnh Quảng Nam tiếp cận với nhiều thông tin bổ ích, nâng cao điều kiện sống, nhưng chính sự phát triển này có nguy cơ làm mai một hoặc làm mất đi những giá trị truyền thống độc đáo trong đời sống văn hóa – xã hội của cộng đồng Cơ Tu.

Với đặc trưng văn hóa giàu bản sắc cộng đồng, người Cơ Tu ở tỉnh Quảng Nam đã được nhiều tác giả trong và ngoài nước quan tâm nghiên cứu dưới nhiều góc độ khác nhau. Tuy nhiên, phần lớn các nghiên cứu về người Cơ Tu chủ yếu tập trung vào các đặc trưng văn hóa truyền thống của dân tộc này. Các nghiên cứu ít đề cập tới sự biến đổi về văn hóa – xã hội của người Cơ Tu. Nếu có, các công trình chỉ dừng lại ở một khía cạnh, lĩnh vực cụ thể nào đó chứ chưa bao quát một cách có hệ thống.

Trên cơ sở vận dụng lí thuyết dân tộc học, phương pháp liên ngành, chúng tôi tìm hiểu thực trạng biến đổi đời sống văn hóa – xã hội của người Cơ Tu ở tỉnh Quảng Nam qua các phương diện: trang phục, nghệ thuật dân gian, nơi cư trú, nhà ở và tổ chức xã hội. Qua đó, chúng tôi đặt các mặt biểu hiện này trong bối cảnh hiện tại để thấy được những mặt tích cực và hạn chế trong quá trình phát triển; đồng thời bước đầu xác định các nguyên nhân dẫn tới sự biến đổi đó.

II. TỔNG QUAN NGHIÊN CỨU

Biến đổi văn hóa là sự thay đổi các giá trị văn hóa truyền thống để phù hợp với những biến đổi về chính trị, kinh tế, xã hội ở những thời kì nhất định trong sự phát triển của các quốc gia và nhân loại. Đây là chủ đề được nhiều tác giả trong và ngoài nước quan tâm nghiên cứu.

Ở Việt Nam, trong những năm gần đây, nhiều tác giả đã nghiên cứu về giao lưu, tiếp biến và xu hướng biến đổi văn hóa của các

tộc người, tiêu biểu là các công trình "Luật tục, phong tục truyền thống và sự biến đổi", trong *Các dân tộc thiểu số Việt Nam thế kỉ XX* của Ngô Đức Thịnh [4], *Xu hướng biến đổi trong văn hóa và lối sống ở Việt Nam* của Mai Văn Hai, Phạm Việt Dũng [5], *Con người và văn hóa Việt Nam trong thời kì đổi mới và hội nhập* của Nguyễn Văn Dân [6], *Giao lưu tiếp biến văn hóa và sự biến đổi văn hóa Việt Nam* của Lý Tùng Hiếu [7], *Biến đổi quan hệ dân tộc ở Việt Nam thời kì đổi mới và định hướng hoàn thiện chính sách dân tộc hiện nay* của Trương Minh Dục [8], *Sự biến đổi các giá trị văn hoá trong bối cảnh xây dựng nền kinh tế thị trường ở Việt Nam hiện nay* của Nguyễn Duy Bắc [9], *Văn hóa các dân tộc thiểu số trong tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa của Nông Quốc Chân* [10], *Văn hóa làng miền núi Trung bộ Việt Nam: giá trị truyền thống và những bước chuyển lịch sử* của Nguyễn Hữu Thông [11], *Các dân tộc Việt Nam trong môi trường chuyển đổi* của Khổng Diễn [12].

Từ năm 1975 đến nay, nhiều nghiên cứu về tộc người thiểu số trên phạm vi cả nước được mở rộng nhằm đáp ứng nhu cầu hiểu biết lẫn nhau, gìn giữ, bảo tồn và phát huy sức mạnh văn hoá dân tộc. Do vậy, các công trình nghiên cứu về người Cơ Tu cũng xuất hiện ngày càng nhiều, bao quát khắp các lĩnh vực trong đời sống của tộc người này. Các công trình nghiên cứu tiêu biểu về văn hóa – xã hội truyền thống của người Cơ Tu như *Góp phần tìm hiểu văn hóa Cơ Tu* của Lưu Hùng [13], *Tìm hiểu văn hóa Cơ tu* của Tạ Đức [14], *Văn hóa làng các dân tộc thiểu số ở Quảng Nam* của Nguyễn Hữu Thông [15], *Nghiên cứu luật tục, phong tục các dân tộc thiểu số Quảng Nam* của Bùi Quang Thanh [16], *Người Cơ Tu ở Việt Nam* của Trần Tấn Vịnh [17].

Trong những năm gần đây, một số nghiên cứu đã đề cập đến biến đổi trong đời sống văn hóa, kinh tế, xã hội của người Cơ Tu. Trong công trình *Nhà mồ Katu - Truyền thống và hiện đại (qua khảo sát thôn Cha Ke, Thượng Long, Nam Đông, Thừa Thiên Huế)* [18], Trần Đức Sáng nghiên cứu đặc điểm nhà mồ truyền thống và những biến đổi của người Cơ

Tu ở thôn Cha Ke, xã Thượng Long, huyện Nam Đông, tỉnh Thừa Thiên Huế. Lê Anh Tuấn, trong bài viết *Du lịch sinh thái – văn hóa tộc người: hướng phát triển kinh tế và bảo tồn văn hóa cộng đồng Katu ở huyện Hòa Vang, Thành phố Đà Nẵng* [19], đã phân tích vai trò của du lịch sinh thái – văn hóa tộc người trong bối cảnh phát triển kinh tế vùng miền núi hiện nay. Theo tác giả, khách du lịch có xu hướng lựa chọn loại hình du lịch về với tự nhiên, tìm hiểu nét văn hóa khác lạ, huyền bí và hoang sơ, giá trị văn hóa truyền thống trong cộng đồng người Cơ Tu ở huyện Hòa Vang, Thành phố Đà Nẵng. Trong bài viết *Sự chuyển đổi của kinh tế truyền thống trong bối cảnh đô thị hóa ở Đà Nẵng* [20], Lê Anh Tuấn, Trần Đức Sáng và Trần Đức Anh Sơn phân tích thực trạng biến đổi của người Cơ Tu ở huyện Hòa Vang – Thành phố Đà Nẵng qua các mặt biểu hiện: ngôn ngữ giao tiếp, sinh hoạt văn hóa và văn nghệ dân gian, tập quán cư trú, kiến trúc cộng đồng truyền thống, trang phục, nhà cửa và hoạt động canh tác. Bài viết *Vấn đề duy trì lễ hội truyền thống trong bối cảnh hiện nay: lễ hội đâm trâu của người Katu* [21], Lê Anh Tuấn giới thiệu và đề xuất một số hình thức tổ chức dàn dựng, sân khấu hóa, phối hợp với các công ti lễ hành tổ chức, đưa khách du lịch tham dự lễ, khôi phục lễ hội đâm trâu truyền thống, giúp cho người xem thấy được những nét đẹp truyền thống, ý nghĩa nhân sinh qua lễ hội đâm trâu. Các công trình *Biến đổi cơ cấu tổ chức xã hội truyền thống của người Cơ-Tu ở huyện Nam Đông, tỉnh Thừa Thiên Huế* của Trần Thị Mai An [22], *Một số biến đổi về văn hóa – xã hội của người Cơ tu ở thôn Agrông dưới tác động của sự hình thành và phát triển khu trung tâm hành chính huyện Tây Giang, tỉnh Quảng Nam* của Phạm Văn Lợi [23], *Văn hóa vật chất của người Cơ Tu ở xã Hòa Bắc, huyện Hòa Vang, Thành phố Đà Nẵng* của Nguyễn Thị Ngọc Trinh [24] khai thác những biến đổi trong tổ chức gia đình, dòng họ, tổ chức làng; biến đổi tổ chức làng: về quy mô, tên làng và không gian cư trú, cách tổ chức và quản lý cộng đồng, sở hữu, phân tầng xã hội và quan hệ xã hội; thực trạng biến đổi của dân tộc Cơ Tu qua các

phương diện: làng bản, hình thức cư trú, dân số, dân cư, nhà ở; biến đổi làng, nhà cửa, ẩm thực, trang phục, phương tiện đi lại, công cụ lao động sản xuất của người Cơ Tu ở xã Hòa Bắc, huyện Hòa Vang, Thành phố Đà Nẵng. Trong các bài viết *Vài nét biến đổi nghi lễ vòng đời người Cơ Tu ở tỉnh Quảng Nam hiện nay*, *Giá trị văn hóa của người Cơ Tu tỉnh Quảng Nam qua nghi lễ vòng đời người* của Nguyễn Văn Dũng [25] - [26], *Biến đổi nghi lễ vòng đời người của các dân tộc thiểu số Tà Ôi, Cơ tu, Bru – Vân Kiều ở Bắc Trung Bộ hiện nay* của Nguyễn Văn Mạnh [27] đã trình bày những giá trị văn hóa và biến đổi trong nghi lễ vòng đời người của dân tộc Cơ Tu.

Nhìn chung, những công trình, bài viết nêu trên chỉ dừng lại ở việc nghiên cứu biến đổi văn hóa – xã hội nói chung. Đối với dân tộc Cơ Tu, các tác giả chủ yếu khai thác các lĩnh vực về biểu tượng nghệ thuật, nhà cửa, trang phục, tôn giáo, tín ngưỡng, hôn nhân, tổ chức xã hội và một số biến đổi về một khía cạnh cụ thể nào đó của người Cơ Tu. Trên cơ sở kế thừa những công trình, bài viết của các tác giả đi trước, cùng với nguồn tư liệu trong quá trình điền dã, phỏng vấn sâu tại các xã, huyện có người Cơ Tu sinh sống ở tỉnh Quảng Nam, bài viết trình bày các mặt biến đổi trong đời sống văn hóa – xã hội của người Cơ Tu hiện nay.

III. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

A. *Biến đổi trong trang phục của người Cơ Tu ở tỉnh Quảng Nam*

Trang phục truyền thống kết tinh cả giá trị nghệ thuật lẫn giá trị lịch sử của từng tộc người. Thông qua trang phục truyền thống, chúng ta có thể nhận biết đó là tộc người nào. Trang phục giúp phân biệt tộc người này với tộc người khác. Khi xã hội thay đổi, trang phục cũng là lĩnh vực chịu nhiều thay đổi. Tộc người Cơ Tu là một trong số ít tộc người thiểu số ở khu vực Trường Sơn – Tây Nguyên biết trồng bông, xe sợi, nhuộm màu và dệt vải. Điều này giúp người Cơ Tu sáng tạo nên những bộ trang phục với lối dệt tinh xảo, hoa văn sinh động.

Theo tập quán truyền thống của người Cơ Tu ở tỉnh Quảng Nam, nam giới đóng khố, cởi trần, nữ giới mặc áo váy. Trang phục của người Cơ Tu được phối bởi năm sắc màu cơ bản là đen, xanh thẫm, trắng, đỏ và vàng. Tất cả các màu đều được chế biến từ các loài thảo mộc tự nhiên. Trong đó, màu đỏ và màu đen là hai màu được ưa chuộng nhất. Người Cơ Tu cho rằng: đỏ là màu của máu, của linh hồn nên được thần linh và tổ tiên ưa thích. Vì thế, ngoài việc mặc trang phục có màu đỏ và màu đen là chủ sắc, họ còn có tục dùng các tấm vải thiêng màu đỏ để làm mái các “ngôi nhà thần”, nơi già làng dùng máu của gà và trâu hiến sinh để mời gọi thần linh và tổ tiên về thụ lễ.

Nét độc đáo trong trang phục của người Cơ Tu thể hiện ở chỗ, trang phục nam giới hay nữ giới, từ màu sắc đến các họa tiết luôn phản ánh được nhân sinh quan, thế giới quan của họ về vũ trụ, trời đất, vạn vật cũng như phong tục – tập quán, sinh hoạt của cộng đồng. Đặc biệt, trang phục được dùng trong lễ hội có hoa văn cầu kì, được tạo bởi những hạt chì hay cườm trắng. Hoa văn có nhiều motif khác nhau, hết sức phong phú. Chính vì vậy, ngoài những điểm chung với trang phục của các tộc người cư trú trên dãy Trường Sơn – Tây Nguyên (nam giới đóng khố, nữ giới mặc váy quần và nam nữ giới mặc áo chui đầu), trang phục truyền thống của người Cơ Tu còn mang nét riêng độc đáo của tộc người mình, nhất là cách trang trí hoa văn trên trang phục. *Tung tung* và *ya yá* là hai kiểu họa tiết đặc thù được người Cơ Tu thêu dệt trên trang phục. Hoa văn *ya yá* là hình những phụ nữ đang nhảy múa, tiếng Cơ Tu là *padil ya yá*, còn hoa văn *tung tung* là hình những người đàn ông đang nhảy hội trong lễ đâm trâu hoặc trong nghi lễ “săn đầu người” – một tập tục cổ xưa của người Cơ Tu.

Ngày nay, trang phục của người Cơ Tu đã có nhiều thay đổi. Khác với trước đây, trang phục của tộc người Cơ Tu, nhất là giới trẻ, đã có sự ảnh hưởng không nhỏ từ văn hóa mặc của người Việt. Từ khi Đảng và Nhà nước ban hành nhiều chính sách hỗ trợ phát triển kinh tế – xã hội vùng dân tộc và miền núi, người Cơ Tu đã có những thay đổi đáng kể về

đời sống vật chất và tinh thần. Khi thu nhập được cải thiện, trình độ dân trí được nâng cao, người Cơ Tu có điều kiện chăm lo đến đời sống tinh thần nhiều hơn. Chính điều này cũng đã phần nào làm thay đổi quan niệm thẩm mỹ trong cách ăn mặc của họ. Nhiều chính sách hỗ trợ, ưu tiên cho các tộc người thiểu số ở Việt Nam nói chung, tộc người Cơ Tu nói riêng đã giúp người Cơ Tu được đi học ở nhiều trường trung học phổ thông, trung cấp, cao đẳng, đại học trong cả nước. Nhiều thanh niên Cơ Tu không có điều kiện đi học đã xin vào làm việc tại các công ti, xí nghiệp may mặc trong các khu công nghiệp. Đây là môi trường tốt để thanh niên người Cơ Tu tiếp xúc với học sinh, sinh viên, thanh niên dân tộc Kinh. Hơn nữa, khi được học tập, làm việc cùng với người Việt, nhiều chàng trai, cô gái Cơ Tu và người Việt đã bén duyên, thành vợ thành chồng. Trang phục trong ngày cưới của cô dâu và chú rể đã có nhiều thay đổi. Biểu hiện rõ nét nhất về trang phục trong cưới hỏi là trường hợp nam giới người Việt lấy nữ giới là người Cơ Tu. Trang phục của cô dâu và chú rể trong đám cưới có xu hướng mặc theo trang phục cưới của người Việt.

Khi trung tâm hành chính ở các huyện có người Cơ Tu sinh sống được Nhà nước đầu tư, các cửa hàng, tiệm may mặc, bán quần áo của người Việt xuất hiện ngày càng nhiều. Đây là điều kiện, môi trường thuận lợi để người Cơ Tu có thể mua sắm, may mặc theo sở thích của mình. Mặt khác, trong các phòng ban ở xã, huyện, ngoài người Việt, người Cơ Tu cũng được tuyển dụng, bố trí, sắp xếp và bổ nhiệm ở nhiều vị trí khác nhau. Khi được sống gần và làm việc chung với người Việt, người Cơ Tu đã tiếp thu nhiều nét văn hóa tiên tiến từ người Việt. Điều này được thể hiện rõ nét nhất là trang phục văn phòng, công sở của người Cơ Tu khi đến các cơ quan hành chính làm việc.

Như vậy, trang phục truyền thống của dân tộc Cơ Tu đã phản ánh nét văn hóa truyền thống, nhân sinh quan, thế giới quan của họ về vũ trụ, trời đất, vạn vật cũng như phong tục, tập quán của cộng đồng. Tuy nhiên, trước tác động của quá trình công nghiệp hóa – hiện đại hóa, người Cơ Tu đã có những thay

đổi trong trang phục của mình. Từ lớp trẻ tới thế hệ cao tuổi gần như đã thay đổi trang phục hằng ngày của mình. Trang phục truyền thống chỉ còn xuất hiện trong các dịp lễ hội, ngày tế lễ truyền thống của người Cơ Tu.

B. Biến đổi trong cư trú và nhà ở của người Cơ Tu ở tỉnh Quảng Nam

Người Cơ Tu xuất hiện và cư trú ổn định ở dãy Trường Sơn – Tây Nguyên từ rất sớm. Đồng bào Cơ Tu cư trú phân tán và biệt lập, làng mạc phân bố rải rác thành những điểm tụ cư nhỏ cách xa nhau, qua nhiều con suối, ngọn đồi. Trong lịch sử, người Cơ Tu cư trú phần lớn ở các vùng núi cao thuộc tỉnh Quảng Nam – Đà Nẵng, Thừa Thiên Huế và ở các tỉnh Xekong, Saravan thuộc miền Nam của Lào.

Khi nghiên cứu về nguồn gốc cư trú của người Cơ Tu, các tác giả nước ngoài đưa ra nhiều cách lí giải khác nhau. Robert L.Mole nhận định: người Cơ Tu từng di cư xuống thung lũng của sông Mekong và sau đó họ lại dời lên núi hoặc có thể đi xuống tận bờ biển Trung Hoa và bị buộc trở lại núi [28]. J.Hoffet cho rằng: cộng đồng người Cơ Tu chia làm hai nhóm, Cơ Tu cao và Cơ Tu thấp và có ít nhất là bốn phân nhóm. Ngung Bo và Thap là hai nhóm nằm ở phía Đông. Họ vốn sống dọc theo các phụ lưu ở thượng nguồn sông Sekong, sau đó di chuyển dân về phía Đông của nhóm Cao ở vùng cao phía Tây, thuộc thượng nguồn của hai con sông Sekong và sông Bounng [29]. Trong *Vài nét về sự hình thành các dân tộc ít người tỉnh Quảng Nam – Đà Nẵng*, khi lí giải về nguồn gốc và nơi cư trú của người Cơ Tu, Đặng Nghiêm Vạn cho rằng các dân tộc miền núi Quảng Nam hiện nay là cư dân bản địa miền Trung Đông Dương, có nguồn gốc với nhóm Việt – Mường. Tổ tiên của họ vốn cư trú trên một địa bàn rộng lớn nhưng tổ tiên người Chăm đã tách họ ra khỏi tổ tiên Việt – Mường. Cùng với quá trình phân tách này, sự thu hẹp dần lãnh thổ của họ về phía núi. Điều này được phản ánh trong truyền thuyết, những câu chuyện kể, trong kí ức của người già, của các tộc người ở đây về một thời kì họ

đã ở ven biển. Sau đó, do xảy ra những xung đột về quyền lợi đất đai giữa các nhóm cư dân Môn – Khmer; những cuộc chiến tranh với người Chăm (từ thế kỉ XII – XVI), người Xiêm (thế kỉ XVII – XIX), người Lào (thế kỉ XVI – XVII) và người Việt (từ thế kỉ XVI trở đi), họ đã quy tụ trở lại trên địa bàn đang sinh sống hiện nay [30]. Giải thích về nơi cư trú của người Cơ Tu, Nguyễn Hữu Thông cũng đã đưa ra cách lí giải sau: từ “tu” trong ngôn ngữ Cơ Tu nhằm để chỉ vị trí ở đầu ngọn, chẳng hạn như *tu long* (ngọn cây), *tom tu* (nói có đuôi, có đầu), *tu dak* (đầu nguồn nước). Hay từ *Coh* là từ nhằm để chỉ phương hướng, phương vị; chẳng hạn *coh ping* (ở trên), *coh jub* (ở dưới). Sự kết hợp chữ *coh + tu* là cách lí giải nhằm xác định nơi cư trú về phía trên (*coh* còn là từ dùng để chỉ cái đầu) và nguồn nước (*tu*) [31]. Ngày nay, người Cơ Tu sống xen cư cùng với người Việt. Đại bộ phận đã di cư chuyển đến sống gần trung tâm huyện hoặc ven các con đường bê tông, đường nhựa để thuận tiện cho việc đi lại, kinh doanh buôn bán. Một số xã thuộc các huyện miền núi Nam Giang, Đông Giang, Tây Giang – tỉnh Quảng Nam và huyện Nam Đông, A Lưới – tỉnh Thừa Thiên Huế vẫn còn một số hộ sống rải rác ở những con đường đất, dọc các sườn núi cao. Lối sống của họ khác xa với những hộ dân sống gần người Việt. Họ vẫn sống theo tập tục truyền thống, nhất là những người lớn tuổi.

Về kiến trúc, vật liệu ngôi nhà của người Cơ Tu ở tỉnh Quảng Nam: Trong truyền thống, nhà ở của người Cơ Tu là kiểu nhà sàn, nóc hình mai rùa, kiểu mái tròn, tùy thuộc số lượng người trong nhà và nguyên liệu sẵn có ở địa phương mà độ dài ngắn, cao thấp của các nhà không hoàn toàn giống nhau. Nhà của người Cơ Tu thường nhỏ và phần lớn là một gia đình cư trú. Ngày nay, đối với những hộ sống trên các sườn núi cao, dọc những con đường mòn, cấu trúc nhà ít có sự thay đổi. Họ vẫn ở trong ngôi nhà truyền thống. Vật liệu làm nhà chủ yếu là vách được ghép bằng ván, mái lợp bằng lá cây mây, gỗ, tre nứa, lồ ô, lá nón, lá mây. Kiến trúc nhà thường có một hoặc hai cửa nhỏ, vách bằng tấm phen lồ ô. Nhà thường thiết kế một gian

là chủ yếu. Chỗ nấu nướng, ăn uống, nghỉ ngơi được bố trí trong cùng một không gian chung của ngôi nhà. Đối với các hộ sống gần các tuyến đường nhựa, đường bê tông, gần trung tâm hành chính huyện, kiến trúc nhà có sự thay đổi rõ rệt. Qua khảo sát, chúng tôi thấy tại một số thôn ở các huyện Đông Giang, Nam Giang, Tây Giang – tỉnh Quảng Nam, hai huyện A Lưới, Nam Đông – tỉnh Thừa Thiên Huế, nhà được thiết kế hai mái dốc, lợp tôn. Kiến trúc nhà được làm theo kiến trúc sàn bằng gỗ, vách gỗ, mái lợp tôn. Nhiều gia đình đã thuê thợ xây nhà kiểu cấp bốn như người Việt. Mái nhà được lợp bằng ngói hoặc tôn. Gia đình nào có điều kiện thì xây nhà bê tông, đổ mê (lầu). Như vậy, kết cấu khung, sườn, mái và sàn nhà xuất hiện nhiều motif, họa tiết mới, không đại diện cho quan niệm thẩm mỹ và nhân sinh quan, thế giới quan của người Cơ Tu như trước đây. Nhiều hình vẽ, điêu khắc trang trí bên trong mất đi tính thiêng, không thể hiện rõ tín ngưỡng tâm linh của người Cơ Tu.

Ngôi nhà truyền thống của người Cơ Tu ở Quảng Nam là *nhà gươl*. Đây là ngôi nhà thể hiện rõ nét văn hóa tiêu biểu của người Cơ Tu về kiến trúc và giá trị tâm linh. *Nhà gươl* hầu như chỉ dành cho những việc lớn, quan trọng của làng. Phụ nữ chỉ được vào *nhà gươl* trong các dịp lễ hội. Trước đây, *nhà gươl* là nơi các chàng trai chưa vợ đến đây ngủ, để nghe già làng kể chuyện cổ xưa, nghe các bậc cao niên có kinh nghiệm trao truyền kỹ năng săn bắt, gieo trồng, thổi khèn, đánh chiêng và cả nghệ thuật chinh phục các cô gái. Ngày nay, ngôi *nhà gươl* của người Cơ Tu đã có nhiều thay đổi so với trước đây, từ kiến trúc đến chất liệu, trang trí đã có sự biến đổi. Nhiều motif trang trí cổ truyền bị biến mất, thay thế bằng những hình vẽ trang trí chưa từng tồn tại trong tâm thức đồng bào. Điều này tạo cảm giác lạc lõng, xa lạ trước ngôi nhà truyền thống của mình. Nếu trước đây, đồng bào đến *nhà gươl* hằng ngày, hằng đêm thì ngày nay họ chỉ đến khi cần thiết, khoảng một lần/tuần. Ở trung tâm hành chính các huyện có người Cơ Tu sinh sống, *nhà gươl* chỉ còn tồn tại ở khu bảo tàng, làng truyền thống. Tại các xã, huyện có người Cơ Tu sinh

sống ở tỉnh Quảng Nam, nhiều ngôi *nhà gươl* chỉ được xây dựng trên cơ sở mô phỏng lại *nhà gươl* truyền thống. Khác với trước đây, *nhà gươl* của người Cơ Tu đã có nhiều thay đổi về chất liệu, họa tiết trang trí. Mái *nhà gươl* được lợp bằng tôn, cột *nhà gươl* được đúc bằng bê tông, hình ảnh quanh *nhà gươl* được tô vẽ thay vì được đục đẽo như trước đây. Ngay cả trong đời sống sinh hoạt hằng ngày, người Cơ Tu cũng đã dần thay đổi thói quen mua sắm đồ dùng trong gia đình. Họ sẵn sàng mua sắm tivi, tủ lạnh, bàn ghế, xe máy nhưng lại lưỡng lự mua một bộ chiêng, trang phục truyền thống (xem Bảng 1).

Như vậy, khi tổ chức xã hội đã dần thay đổi, đời sống kinh tế được nâng cao, người Cơ Tu có nhu cầu về sự thay đổi cuộc sống trong sự lựa chọn và tiếp nhận những giá trị mới (nhà cửa, phương tiện đi lại, tiện nghi sinh hoạt, hoạt động văn hóa). Điều này cho thấy, người Cơ Tu đã có suy nghĩ về sự đổi thay trong cuộc sống, sự thăng thế của chiều hướng tiếp nhận những yếu tố mới so với bảo lưu giá trị truyền thống.

C. Biến đổi trong nghệ thuật dân gian của người Cơ Tu ở tỉnh Quảng Nam

Nét văn hóa tiêu biểu về nghệ thuật dân gian của người Cơ Tu được thể hiện rõ nét qua kiến trúc điêu khắc *nhà gươl*, nhà mồ, cột xơnur. Ngoài ra, nhiều *bhồ lô* (truyện cổ dân gian), *bobooch* (hát tâm tình), *bhnóoch* (hát lí), *tung tung* (điệu múa của nam giới), *ya yá* (điệu múa cầu mưa của người phụ nữ) giúp ta nhận ra tâm hồn, thế giới quan, nhân sinh quan rất riêng của người Cơ Tu.

Trong truyền thống, nghệ thuật điêu khắc nhà mồ, tượng mồ là nét văn hóa tiêu biểu của người Cơ Tu ở tỉnh Quảng Nam. Nhà mồ, tượng mồ và quan tài là những công trình kiến trúc mang tín ngưỡng dân gian truyền thống hướng về ông bà, tổ tiên của người Cơ Tu. Ngày nay, tập tục này vẫn còn nhưng rất hiếm thấy xuất hiện ở địa bàn có người Cơ Tu cư trú. Vì theo tín ngưỡng của người Cơ Tu, muốn làm nhà mồ, gia đình đó phải cúng cho làng một con trâu hay con bò thì mới được phép làm. Tập tục tốn kém này cũng

Bảng 1: 50 người được khảo sát tại xã Lăng – huyện Tây Giang, xã A Ting – huyện Đông Giang, xã Chợ Chun – huyện Nam Giang, tỉnh Quảng Nam (năm 2019)

STT	Tên đơn vị hành chính	Số người muốn mua chiêng, ché, trang phục truyền thống (độ tuổi từ 20 đến 60 tuổi)	Tỉ lệ (%)	Số người muốn mua tivi, tủ lạnh, bàn ghế, xe máy (độ tuổi từ 20 đến 60 tuổi)	Tỉ lệ (%)
1	Xã Lăng – huyện Tây Giang	5 người	10	45 người	90
2	Xã A Ting – huyện Đông Giang	7 người	14	43 người	86
3	Xã Chợ Chun – huyện Nam Giang	8 người	16	42 người	84

(Nguồn: Kết quả điều tra phỏng vấn của tác giả)

khiến người dân không còn mặn mà với việc làm nhà mồ kiểu truyền thống. Việc làm nhà mồ tốn rất nhiều gỗ quý, mà gỗ rừng ngày càng cạn kiệt. Hơn nữa, người biết đeo tượng làm nhà mồ ngày càng ít, thế hệ con cháu lại không mấy mặn mà với văn hóa truyền thống. Do đó, nhà mồ của người Cơ Tu ngày nay thường lợp tôn, đúc bê tông. Màng vẽ làm bằng nhựa cây bứa, lá cây tà râm đã được thay bằng kĩ thuật đắp nổi sơn và xi măng. Nhiều nơi còn thêm motif rồng, phụng, cúc, mai du nhập từ người Việt. Những nghĩa địa của người Cơ Tu đặt tận rừng sâu ngày nào bây giờ đã dễ dàng bắt gặp ven đường, bởi những mảnh rừng sâu đã có đường nhựa băng qua.

Người Cơ Tu có cả một kho tàng truyện cổ dân gian phong phú và đặc sắc. Truyện cổ Cơ Tu thường kể về cuộc đời của các *aconon tui* (chàng trai mồ côi) như *aconon dharêt* (chàng trai nghèo khổ), những *manutih gơơ* (dũng sĩ), *Đhâm Bhrur* (chàng trâu rừng). Hầu hết những truyện này đều kết thúc có hậu. Ngoài ra, người Cơ Tu còn có những truyện giải thích nguồn gốc dòng họ, dân tộc hay vật tổ như *Alui* (Quả bầu). Mảng truyện này có ý nghĩa giáo dục đồng bào rằng dẫu cho mỗi người thuộc các dân tộc khác nhau nhưng đều có chung nguồn cội, hãy đoàn kết lại với

nhau.

Trong nghệ thuật diễn xướng dân gian, điệu múa *tung tung ya yá* (vũ điệu dâng trời) là “tiết mục” đặc sắc, chứa đựng những tinh túy của đời sống tộc người. Từ điệu múa thiêng, điệu múa cầu mưa trong lễ hội, đồng bào đã chuyển hóa một cách sống động vào nghệ thuật trang trí, hội họa, điêu khắc. Khác với trước đây, sinh hoạt văn hóa dân gian của người Cơ Tu ở tỉnh Quảng Nam ít diễn ra. Nó chỉ gắn với số ít người già, chủ yếu là chế tạo và chơi một số nhạc cụ, hát lí. Nhất là đối với lớp trẻ, hầu như họ không nhớ, không thuộc các bài hát truyền thống của dân tộc mình. Qua đó cho thấy, họ ít mặn mà với sinh hoạt văn nghệ cổ truyền. Những làn điệu hát lí, giao duyên, những điệu múa *tung tung ya yá*, chuyện kể dần bị lãng quên. Điều này cho thấy sinh hoạt văn nghệ truyền thống đang dần được thay thế bởi các loại hình nghệ thuật, giải trí hiện đại như các bài hát nhạc trẻ, phim ảnh, karaoke. Các sinh hoạt văn nghệ truyền thống chỉ được tái hiện trong các dịp lễ hội truyền thống của người Cơ Tu hoặc do người Việt phục dựng lại để phục vụ hoạt động văn hóa, du lịch (xem Bảng 2).

Có thể nói, quá trình công nghiệp hóa – hiện đại hóa và hội nhập đã tác động không

Bảng 2: 50 người được khảo sát tại xã Lăng – huyện Tây Giang, xã A Ting – huyện Đông Giang, xã Chợ Chun – huyện Nam Giang, tỉnh Quảng Nam (năm 2019)

STT	Tên đơn vị hành chính	Số người biết hát những bài tâm tình (bơbooch), hát lí (bh-nóoch) (độ tuổi từ 15 đến 35 tuổi)	Tỉ lệ (%)	Số người thuộc các bài hát nhạc trẻ, thích xem phim và hát karaoke (độ tuổi từ 15 đến 35 tuổi)	Tỉ lệ (%)
1	Xã Lăng – huyện Tây Giang	11 người	22	39 người	78
2	Xã A Ting – huyện Đông Giang	9 người	18	41 người	82
3	Xã Chợ Chun – huyện Nam Giang	15 người	30	35 người	70

(Nguồn: Kết quả điều tra phỏng vấn của tác giả)

nhỏ tới đại bộ phận người Cơ Tu trong hoạt động văn hóa dân gian. Hơn thế nữa, con em người Cơ Tu lớn lên đều được tới trường theo học. Do đó, tiếng Việt là ngôn ngữ chính được người Cơ Tu sử dụng trong các mối quan hệ giao tiếp hằng ngày, nhất là khi giao tiếp với người Việt. Tiếng Cơ Tu chủ yếu được sử dụng giữa các thành viên trong gia đình hoặc giữa người Cơ Tu với nhau. Điều này làm cho diện mạo nghệ thuật dân gian của người Cơ Tu biến đổi.

D. Biến đổi trong tổ chức xã hội của người Cơ Tu ở tỉnh Quảng Nam

Trong truyền thống, làng của người Cơ Tu ở tỉnh Quảng Nam được xây dựng theo hình tròn hay hình vành khuyên, *nhà gươl* được bố trí ở giữa. *nhà gươl* không chỉ là trung tâm văn hoá (nơi diễn ra lễ hội, thờ các vị thần dân gian, trưng bày sản phẩm điêu khắc), mà *nhà gươl* còn là trung tâm hành chính (nơi giải quyết các vụ việc tranh chấp, những vấn đề lớn của làng, nơi tiếp khách lạ hay khách được trọng vọng của làng).

Làng của người Cơ Tu là một đơn vị tổ chức xã hội, có ranh giới riêng (mặc dù chỉ mang tính ước lệ). Trước đây, họ thường gọi tên làng là *vêl*, *crnoon*, *bươih*. Các thành viên trong làng có thể chuyển đến làng khác

cũng như các gia đình nơi khác có thể chuyển đến sống trong các làng thuộc xã, huyện với nhau. Tuy nhiên, họ phải là người thân của một gia đình trong làng, được gia đình ấy bảo lãnh. Lúc đầu, mỗi *bhutol* (thôn) chỉ có một *tô* (dòng họ). Sau đó, mỗi *bhutol* lại có nhiều dòng họ. Điều này là do các cô gái đi làm dâu thường mang em trai hoặc có những *tô* khác *bhró zaziêng* (kết nghĩa) đến sống chung. Mỗi *bhutol* thường quần tụ năm đến tám *tô*; trong đó, các *bhutol* có một đến hai *tô* chiếm đa số. Họ được điều hành và quản lý bởi một bộ máy tự quản – hội đồng già làng do người dân bầu lên, thông qua hệ thống công cụ bằng luật tục, phong tục tập quán tồn tại dưới dạng thực hành xã hội, vận hành theo kinh nghiệm.

Ngày nay, ngôi làng cổ truyền của người Cơ Tu ở Quảng Nam đang có những đổi thay cơ bản. Đời sống của người Cơ Tu đang tồn tại song song hai bộ máy quản lý: bộ máy quản lý hành chính do Nhà nước quy định và bộ máy tự quản truyền thống (dựa trên kinh nghiệm, luật tục) bởi hai đại diện là trưởng thôn và già làng. Bộ máy quản lý xã hội cổ truyền vẫn còn tồn tại với vai trò là lực lượng góp phần bổ sung và tăng cường hiệu lực cho bộ máy quản lý hiện nay. Nếu trước đây, người Cơ Tu rất coi trọng vai trò của già làng với kinh nghiệm và hiểu biết thực tiễn

thì ngày nay, trình độ nhận thức chính trị, học vấn, kiến thức quản lí được đề cao. Vì vậy, tiêu chí đối với chức danh trưởng thôn không quá chú trọng yếu tố tuổi tác, bởi bên cạnh trưởng thôn còn có các già làng, người đóng vai trò cố vấn không chính thức. Khi làng bản truyền thống đã bị phá vỡ cả về cấu trúc lẫn thiết chế quản lí, vai trò của già làng cũng từ đó mà không còn được như trước đây nữa. Sự phân chia vai trò giữa già làng và trưởng thôn ở đây diễn ra rõ ràng hơn. Pháp luật của Nhà nước là công cụ chủ yếu để quán xuyến mọi hoạt động của người Cơ Tu. Các hoạt động hành chính gần như trưởng thôn có vai trò quyết định. Già làng chỉ có vai trò trong các hoạt động như tang ma, lễ nghi cúng bái, hoạt động cộng đồng. Trong bộ máy tổ chức thôn bản hiện nay, trưởng thôn thực sự đóng vai trò lớn và thiết thực. Tuy nhiên, già làng vẫn luôn được tôn trọng và tín nhiệm. Do vậy, trưởng thôn và già làng luôn giữ vai trò quan trọng trong cộng đồng người Cơ Tu. Trước đây, người Cơ Tu cư trú trong cộng đồng đều bình đẳng về các quyền lợi do làng quản lí. Quyền lợi của cộng đồng được luật tục bảo vệ tối đa qua những quy định về quyền sở hữu, sự đề cao vai trò của kinh tế nương rẫy, bảo vệ tài nguyên rừng, đất đai, sông suối. Ngày nay, quyền lợi của các cá nhân, gia đình, dòng họ được thực hiện bởi điều kiện kinh tế gia đình, năng lực cá nhân, sự tuân thủ các quy định của pháp luật trên các lĩnh vực kinh tế, đất đai, khai thác nguồn lợi từ rừng. Trước đây, sự giàu có của một gia đình, dòng họ được xác định qua việc sở hữu nhiều nương rẫy, chiêng, ché, bạc, trâu. Ngày nay, sự giàu có của người Cơ Tu được thể hiện bằng việc nhà nào có tivi, tủ lạnh, bàn ghế, nhà lợp ngói hoặc nhà bê tông, đặc biệt là gia đình nào có quan hệ mua bán, kinh doanh với người Việt và có công ăn việc làm tạo nên nguồn thu ổn định. Mỗi quan hệ nam giới – nữ giới được thể hiện trên nền tảng xã hội phụ quyền, người đàn ông là người quyết định mọi công việc đối nội, đối ngoại, tiếp xúc với thần linh và tham gia làm việc tại các xã, huyện. Người phụ nữ đóng vai trò là một thành viên lao động, bảo tồn nòi giống, duy trì sinh hoạt trong gia đình, làng bản. Tình

trạng cảm phụ nữ tham gia các hoạt động xã hội, cộng đồng đã giảm bớt.

Như vậy, chính sách của Đảng và Nhà nước và quá trình công nghiệp hóa – hiện đại hóa đã làm cho ngôi làng cổ truyền của người Cơ Tu ở tỉnh Quảng Nam có những đổi thay cơ bản. Tính chất khép kín của ngôi làng truyền thống đã thay đổi. Vai trò của già làng và phụ nữ Cơ Tu không còn như trước nữa. Mọi hoạt động của người Cơ Tu đều tuân thủ các quy định pháp luật của Nhà nước.

IV. KẾT LUẬN

Trước bối cảnh toàn cầu hóa, giao lưu và hội nhập văn hóa như hiện nay, văn hóa – tổ chức xã hội của các dân tộc thiểu số ở Việt Nam có sự biến đổi mạnh mẽ. Giống như các tộc người thiểu số khác, văn hóa – tổ chức xã hội của dân tộc Cơ Tu ở tỉnh Quảng Nam nói riêng, người Cơ Tu trên phạm vi cả nước nói chung cũng không nằm ngoài quy luật này.

Hiện nay, các nghiên cứu về văn hóa – xã hội của dân tộc Cơ Tu rất đa dạng và phong phú, liên quan đến nhiều cấp độ, nhiều lĩnh vực, với nhiều cách tiếp cận khác nhau. Trong nghiên cứu này, chúng tôi đã trình bày những biểu hiện trong biến đổi đời sống văn hóa – xã hội qua các lĩnh vực: trang phục, nơi cư trú, nghệ thuật dân gian và tổ chức xã hội. Ở mỗi lĩnh vực, người viết xác định giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc Cơ Tu, đồng thời nhận diện những nét biến đổi qua từng lĩnh vực liên quan đến đời sống của người Cơ Tu ở tỉnh Quảng Nam trong xu hướng chung của thời kì đổi mới ở Việt Nam.

Như vậy, thực trạng văn hóa – xã hội của người Cơ Tu ở Quảng Nam cho thấy diện mạo đời sống của cộng đồng dân tộc này đã và đang có sự đổi thay đáng kể. Đây là hệ quả tất yếu của quá trình tiếp nhận và ảnh hưởng bởi quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập của đất nước. Vấn đề đặt ra đối với công tác bảo tồn văn hóa truyền thống và phát triển xã hội người Cơ Tu (cấu trúc, không gian buôn làng) là cần có sự kết hợp đồng bộ, hợp lí và bền vững trong bối cảnh hiện nay.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Bcoong Mọc. Mùa xuân về với hát lí Cơ Tu. *Tạp chí Văn hóa Quảng Nam*. 2002;37:56.
- [2] Thủ tướng Chính phủ. *Quyết định số 432/QĐ-TTg ngày 12 tháng 4 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược phát triển bền vững Việt Nam giai đoạn 2011 – 2020*; 2012.
- [3] Nguyễn Hữu Thông. Văn nghệ dân gian miền núi trước thách thức của xã hội hiện đại. Trong: Nghiên cứu phát triển bền vững miền núi khu vực miền Trung. Trung tâm Nghiên cứu Tài nguyên và Môi trường, Trường Đại học Nông Lâm Huế. Hà Nội: Nhà Xuất bản Nông nghiệp; 2000. p. 57–64.
- [4] Ngô Đức Thịnh. *Luật tục, phong tục truyền thống và sự biến đổi*. Hà Nội: Nhà Xuất bản Chính trị Quốc gia; 2001.
- [5] Mai Văn Hai, Phạm Việt Dũng. Xu hướng biến đổi trong văn hóa và lối sống ở Việt Nam. *Thông tin Khoa học Xã hội*. 2010;02:27–32.
- [6] Nguyễn Văn Dân. *Con người và văn hóa Việt Nam trong thời kì đổi mới và hội nhập*. Hà Nội: Nhà Xuất bản Khoa học Xã hội; 2011.
- [7] Lý Tùng Hiếu. *Giao lưu tiếp biến văn hóa và sự biến đổi văn hóa Việt Nam*. Hà Nội: Nhà Xuất bản Khoa học Xã hội; 2019.
- [8] Trương Minh Dục. Biến đổi quan hệ dân tộc ở Việt Nam thời kì đổi mới và định hướng hoàn thiện chính sách dân tộc hiện nay. *Tạp chí Nghiên cứu Dân tộc*. 2017;19:3–12.
- [9] Nguyễn Duy Bắc. *Sự biến đổi các giá trị văn hoá trong bối cảnh xây dựng nền kinh tế thị trường ở Việt Nam hiện nay*. Hà Nội: Nhà Xuất bản Từ điển Bách khoa – Viện Văn hóa; 2008.
- [10] Nông Quốc Chấn. Văn hóa các dân tộc thiểu số trong tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Việt Nam học. Trong: *Kỷ yếu hội thảo quốc tế Việt Nam học lần thứ nhất. Tập II. Đại học Quốc gia Hà Nội*. Hà Nội: Nhà Xuất bản Thế giới; 2000. p. 335.
- [11] Nguyễn Hữu Thông. *Văn hóa làng miền núi Trung bộ Việt Nam: giá trị truyền thống và những bước chuyển lịch sử*. Thừa Thiên Huế: Nhà Xuất bản Thuận Hóa; 2005.
- [12] Khổng Diễn. Các dân tộc Việt Nam trong môi trường chuyển đổi. Việt Nam học. Trong: *Kỷ yếu hội thảo quốc tế lần thứ nhất. Tập II. Đại học Quốc gia Hà Nội*. Hà Nội: Nhà Xuất bản Thế giới; 2000. p. 132–139.
- [13] Lưu Hùng. *Góp phần tìm hiểu văn hóa Cơ tu*. Hà Nội: Nhà Xuất bản Khoa học Xã hội; 2006.
- [14] Tạ Đức. *Tìm hiểu văn hóa Cơ tu*. Thừa Thiên Huế: Nhà Xuất bản Thuận Hóa; 2001.
- [15] Nguyễn Hữu Thông. *Văn hóa làng các dân tộc thiểu số ở Quảng Nam*. Thừa Thiên Huế: Nhà Xuất bản Thuận Hóa; 2003.
- [16] Bùi Quang Thanh. *Nghiên cứu luật tục, phong tục các dân tộc thiểu số Quảng Nam*. Hà Nội: Nhà Xuất bản Khoa học Xã hội; 2009.
- [17] Trần Tấn Vĩnh. *Người Cơ Tu ở Việt Nam*. Hà Nội: Nhà Xuất bản Thông tấn; 2009.
- [18] Trần Đức Sáng. Nhà mồ Katu - Truyền thống và hiện đại (qua khảo sát thôn Cha Ke, Thượng Long, Nam Đông, Thừa Thiên Huế). Viện Khoa học Xã hội Việt Nam - Viện Dân tộc học - Thông báo Dân tộc học năm 2006. Hà Nội: Nhà Xuất bản Khoa học Xã hội; 2007. .
- [19] Lê Anh Tuấn. Du lịch sinh thái – văn hóa tộc người: hướng phát triển kinh tế và bảo tồn văn hóa cộng đồng Katu ở huyện Hòa Vang, Thành phố Đà Nẵng. *Tạp chí Phát triển Kinh tế - Xã hội Đà Nẵng*. 2010;9:53–58.
- [20] Lê Anh Tuấn, Trần Đức Sáng, Trần Đức Anh Sơn. Sự chuyển đổi của kinh tế truyền thống trong bối cảnh đô thị hóa ở Đà Nẵng (Trường hợp người Katu ở huyện Hòa Vang). *Tạp chí Phát triển Kinh tế - Xã hội Đà Nẵng*. 2011;01:28–38.
- [21] Lê Anh Tuấn. *Vấn đề duy trì lễ hội truyền thống trong bối cảnh hiện nay: Lễ hội đâm trâu của người Katu (Tham luận tại tọa đàm về đề án Nghiên cứu tác động của sự phát triển đô thị đối với đời sống văn hóa, xã hội của cộng đồng người Katu ở huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng)*. Viện Nghiên cứu Phát triển Kinh tế – Xã hội Đà Nẵng; 4/2011.
- [22] Trần Thị Mai An. Biến đổi cơ cấu tổ chức xã hội truyền thống của người Cơ – Tu ở huyện Nam Đông, tỉnh Thừa Thiên Huế. *Tạp chí Dân tộc học*. 2012;4:21–27.
- [23] Phạm Văn Lợi. Một số biến đổi về văn hóa – xã hội của người Cơ tu ở thôn Agrông dưới tác động của sự hình thành và phát triển khu trung tâm hành chính huyện Tây Giang, tỉnh Quảng Nam. *Tạp chí Dân tộc học*. 2014;1&2:65–71.
- [24] Nguyễn Thị Ngọc Trinh. *Văn hóa vật chất của người Cơ Tu ở xã Hòa Bắc, huyện Hòa Vang, Thành phố Đà Nẵng* [Luận văn Thạc sĩ]. Học viện Khoa học Xã hội; 2018.
- [25] Nguyễn Văn Dũng. Vài nét biến đổi nghi lễ vòng đời người Cơ Tu ở tỉnh Quảng Nam hiện nay. *Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo*. 2019;3:120–129.
- [26] Nguyễn Văn Dũng. Giá trị văn hóa của người Cơ Tu tỉnh Quảng Nam qua nghi lễ vòng đời người. *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Trà Vinh*. 2018;30:20–29.
- [27] Nguyễn Văn Mạnh. Biến đổi nghi lễ vòng đời người của các dân tộc thiểu số Tà Ôi, Cơ tu, Bru – Vân Kiều ở Bắc Trung bộ hiện nay. *Tạp chí Khoa học Đại học Huế*. 2012;72A(3):185–193.
- [28] Robert L Mole. *The Montagnards of South Vietnam: A Study of Nine Tribes*. Tuttle: Tokyo, Japan, Rutland, VT; 1970.
- [29] Hopffer J. Les Mois de la Chaîne Annamitique: Entre Tourane et les Boloven: Terre, Air, Mer. *La Géographie*. 1933;1:43.
- [30] Đặng Nghiêm Vạn. Vài nét về sự hình thành các dân tộc ít người tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng. *Thông tin Khoa học Kỹ thuật, Quảng Nam - Đà Nẵng*. 1985;3:31–38.
- [31] Nguyễn Hữu Thông. *Ka Tu – kẻ sống đầu ngọn nước*. Thừa Thiên Huế: Nhà Xuất bản Thuận Hóa; 2005.